

Số: *BB* /TB-UBND

Thành phố Thủ Đức, ngày *BB* tháng *BB* năm 2022

THÔNG BÁO

**Tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo
công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức**

Căn cứ Kế hoạch số 471/KH-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, năm 2021.

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thông báo tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức như sau:

1. Nhu cầu tuyển dụng

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có nhu cầu tuyển dụng 1.328 viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo đối với các vị trí:

Stt	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp và tương đương	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	131	
2	Giáo viên tiểu học	Giáo viên tiểu học hạng III	532	
3	Giáo viên trung học cơ sở	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	417	
4	Nhân viên văn thư	Văn thư viên trung cấp	07	
		Văn thư viên	03	
5	Nhân viên thư viện, thiết bị (trường tiểu học)	Thư viện viên hạng IV	05	
		Thư viện viên hạng III	01	
6	Nhân viên thư viện (trường trung học cơ sở)	Thư viện viên hạng IV	10	
7	Nhân viên thiết bị - thí nghiệm (trường trung học cơ sở)	Nhân viên thiết bị - thí nghiệm	22	
8	Nhân viên công nghệ thông tin	Quản trị viên hệ thống hạng IV	40	
9	Nhân viên Kế toán	Kế toán viên trung cấp	18	
		Kế toán viên	54	
10	Nhân viên Y tế	Y sĩ hạng IV	88	
TỔNG SỐ:			1.328	

Số lượng viên chức cần tuyển dụng của từng đơn vị, cụ thể theo danh sách đính kèm.

2. Nguyên tắc tuyển dụng

Việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp theo quy định và số lượng người làm việc đã được phê duyệt;

Việc tổ chức tuyển dụng phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật; đảm bảo tính cạnh tranh;

Những người được tuyển chọn phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ gắn với chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp cần tuyển;

Người đăng ký dự tuyển phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của những giấy tờ, văn bản trong hồ sơ đăng ký dự tuyển. Các trường hợp khai man, giả mạo hồ sơ sẽ bị hủy kết quả tuyển dụng và xử lý theo quy định của pháp luật. Không tiếp nhận bổ sung các giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên sau khi công bố kết quả tuyển dụng.

Thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển vào một vị trí việc làm tại một đơn vị có nhu cầu tuyển dụng, nếu thí sinh nào đăng ký dự tuyển từ hai vị trí việc làm trở lên trong kỳ tuyển dụng sẽ bị xóa tên trong danh sách dự tuyển hoặc hủy kết quả xét tuyển. Hồ sơ đăng ký dự tuyển không hoàn trả lại.

3. Điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký tuyển dụng

3.1. Đối tượng đăng ký dự tuyển viên chức

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ;

Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- a) Có Quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên và trong độ tuổi lao động theo quy định của Bộ luật Lao động hiện hành;
- c) Có Phiếu đăng ký dự tuyển;
- d) Có lý lịch rõ ràng;
- đ) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm dự tuyển; trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;
- e) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- g) Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không trái với quy định của pháp luật.

3.2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức

- a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

3.3. Điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức

Phải đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định, cụ thể:

3.3.1. Chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III, mã số V.07.02.26:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non trở lên.

Đối với vị trí giáo viên mầm non Trường Giáo dục chuyên biệt Thảo Điền phải có trình độ Cao đẳng Giáo dục đặc biệt trở lên hoặc Cao đẳng sư phạm mầm non trở lên và chứng chỉ bồi dưỡng về giáo dục đặc biệt.

- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ của giáo viên mầm non hạng III và có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao.

3.3.2. Chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III, mã số V.07.03.29:

- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Đối với vị trí giáo viên tổng phụ trách đội: ngoài các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng nêu trên thì giáo viên tổng phụ trách đội phải được đào tạo nghiệp vụ công tác Đội cùng chuyên ngành giảng dạy hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác Đội.

Đối với vị trí giáo viên tiểu học Trường Giáo dục chuyên biệt Thảo Điền phải có trình độ Cử nhân Giáo dục đặc biệt trở lên hoặc đáp ứng yêu cầu vị trí của giáo viên tiểu học và có chứng chỉ bồi dưỡng về giáo dục đặc biệt.

- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ của giáo viên tiểu học hạng III và có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao.

3.3.3. Chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III, mã số V.07.04.32:

- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học cơ sở. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Đối với vị trí giáo viên tổng phụ trách đội: ngoài các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp trên thì giáo viên tổng phụ trách đội phải được đào tạo nghiệp vụ công tác Đội cùng chuyên ngành giảng dạy hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác Đội.

- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ của giáo viên tiểu học hạng III và có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao.

3.3.4. Vị trí nhân viên văn thư

- Chức danh nghề nghiệp: Văn thư viên trung cấp, mã số: 02.008:

+ Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.

+ Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.

- Chức danh nghề nghiệp: Văn thư viên, mã số: 02.007:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học.

+ Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.

3.3.5. Vị trí nhân viên thiết bị, thí nghiệm, mã số V.07.07.20:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học) trở lên.

- Có trình độ ngoại ngữ đạt bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trở lên hoặc được quy đổi tương đương theo quy định.

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tin học được quy đổi tương đương theo quy định.

3.3.6. Đối với vị trí nhân viên thư viện, thiết bị (trường tiểu học), nhân viên thư viện (trường trung học cơ sở)

- Chức danh nghề nghiệp: Thư viện viên hạng IV, mã số: V.10.02.07:

+ Có bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng về chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

+ Có trình độ ngoại ngữ đạt bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trở lên hoặc được quy đổi tương đương theo quy định.

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tin học được quy đổi tương đương theo quy định.

- Chức danh nghề nghiệp: Thư viện viên hạng III, mã số: V.10.02.06:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học về chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

+ Có trình độ ngoại ngữ đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trở lên hoặc được quy đổi tương đương theo quy định.

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tin học được quy đổi tương đương theo quy định.

3.3.7. Đối với vị trí nhân viên công nghệ thông tin (chức danh nghề nghiệp Quản trị viên hệ thống hạng IV, mã số: V.11.06.15):

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp các ngành đúng hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin.

- Có trình độ ngoại ngữ đạt bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trở lên hoặc được quy đổi tương đương theo quy định.

3.3.8. Chức danh nghề nghiệp Y sĩ hạng IV, mã số: V.08.03.07:

- Tốt nghiệp y sĩ trình độ trung cấp;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc được quy đổi tương đương theo quy định;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tin học được quy đổi tương đương theo quy định.

3.3.9. Đối với vị trí nhân viên Kế toán

- Chức danh nghề nghiệp: Kế toán viên trung cấp, mã số: 06.032:

+ Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính.

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

- Chức danh nghiệp vụ: Kế toán viên, mã số: 06.031:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

3.4. Ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

3.4.1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng:

a) Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm xét tuyển tại vòng 2 gồm:

Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B:

b) Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm xét tuyển tại vòng 2 gồm:

Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động:

c) Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm xét tuyển tại vòng 2 gồm:

Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong.

3.4.2. Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên nêu trên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm tại vòng 2.

Không tính điểm ưu tiên vào kết quả điểm tuyển dụng đối với trường hợp người dự tuyển bổ sung các giấy tờ xác nhận chế độ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả tuyển dụng.

4. Nội dung, hình thức và lệ phí tuyển dụng viên chức

4.1. Hình thức tuyển dụng: việc tuyển dụng viên chức được thực hiện thông qua hình thức xét tuyển (theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ).

4.2. Nội dung xét tuyển: được tiến hành theo 2 vòng như sau:

4.2.1. Vòng 1: Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

4.2.2. Vòng 2:

a) Phòng vấn hoặc thực hành để kiểm tra kiến thức, năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người dự tuyển.

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định hình thức phỏng vấn hoặc thực hành tại vòng 2 phù hợp với tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

b) Điểm phỏng vấn hoặc thực hành được tính theo thang điểm 100.

c) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả điểm phỏng vấn hoặc thực hành.

4.2.3. Lệ phí tuyển dụng

Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

5. Xác định người trúng tuyển

5.1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm xét tuyển tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

5.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm xét tuyển vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

5.3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả cho các kỳ xét tuyển lần sau.

6. Hồ sơ tuyển dụng viên chức

Người dự tuyển cần chuẩn bị hồ sơ theo trình tự sau:

6.1. Phiếu đăng ký dự tuyển: Người dự tuyển nộp khi đăng ký dự tuyển (theo mẫu đính kèm) và có thể photo các minh chứng gửi kèm (văn bằng chứng chỉ theo vị trí dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có)).

6.2. Sau khi nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển nộp hồ sơ tuyển dụng, thành phần hồ sơ gồm:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

b) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

c) Trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, được bố trí làm việc theo đúng ngành, nghề đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm mà thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội (nếu đứt quãng thì được cộng dồn) từ đủ 12 tháng trở lên thì nộp bổ sung: Bản sao có thị thực Quyết định nghỉ việc hoặc Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc/hợp đồng lao động; Hợp đồng lao động của đơn vị cũ; bản in quá trình tham gia BHXH, BHYT; tờ rời in rõ quá trình đóng BHXH có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Lưu ý: Nếu người dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

Người đăng ký dự tuyển phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của những giấy tờ trong hồ sơ dự tuyển. Các trường hợp khai man, giả mạo hồ sơ sẽ bị hủy kết quả tuyển dụng và xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Quy trình, thời gian, địa điểm tổ chức tuyển dụng viên chức

7.1. Thông báo tuyển dụng

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành thông báo tuyển dụng; thông báo tuyển dụng được đăng công khai ít nhất 01 lần trên một trong những phương tiện thông tin đại chúng (như: báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình); đồng thời, đăng tải trên hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và đơn vị có nhu cầu tuyển dụng viên chức. Các thông tin liên quan đến tuyển dụng viên chức năm 2021 thường xuyên được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Phòng Giáo dục - Đào tạo thành phố Thủ Đức theo địa

chỉ: <https://tpthuduc.hochiminhcity.gov.vn> hoặc <https://tpthuduc.hcm.edu.vn> từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc kỳ tuyển dụng, gồm các bước dự kiến như sau:

Bước 1: Tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển:

Người đăng ký dự tuyển nộp hoặc gửi theo đường bưu chính Phiếu đăng ký dự tuyển và các minh chứng có liên quan (tại mục 6.1) đến Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, địa chỉ: số 45 Nguyễn Thanh Sơn, khu phố 1, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (liên hệ: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức, bộ phận tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức; số điện thoại: 0768171181 (gặp ông Trịnh Tiến Thịnh) hoặc 0917660231 (gặp bà Đặng Như Trang)) trong giờ hành chính bắt đầu từ ngày **thông báo** (ngày 08/03/2022) đến hết ngày **07/4/2022**.

Bước 2. Kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển (vòng 1):

- Thời gian: dự kiến từ ngày **26/4/2022 đến ngày 29/4/2022**.

- Cách thực hiện: Hội đồng tuyển dụng viên chức (Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển) kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm đã đăng ký tại phiếu đăng ký dự tuyển từ người dự tuyển gửi đến.

- Chịu trách nhiệm thực hiện: Hội đồng tuyển dụng viên chức, Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Ban Giám sát kỳ xét tuyển, Phòng Giáo dục và Đào tạo (Tổ phục vụ Hội đồng tuyển dụng)

Bước 3: Hội đồng tuyển dụng thông báo triệu thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển vòng 2:

- Thời gian: dự kiến ngày **10/5/2022**.

- Thông báo triệu tập và danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự xét tuyển vòng 2 được Hội đồng tuyển dụng viên chức đăng tải thông báo trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức và niêm yết công khai tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

Bước 4: Thí sinh đủ điều kiện tiêu chuẩn tham dự xét tuyển vòng 2:

- Thời gian: dự kiến, từ ngày **24/5/2022 đến ngày 01/6/2022**, chia làm 3 đợt, cụ thể như sau:

+ Đợt 1 (ngày 24/5/2022 đến ngày 25/5/2022): xét tuyển vòng 2 đối với vị trí việc làm: Giáo viên mầm non và các vị trí nhân viên (văn thư; thư viện, thiết bị; thư viện; thiết bị - thí nghiệm; công nghệ thông tin; kế toán; y tế).

+ Đợt 2 (ngày 27/5/2022 đến ngày 28/5/2022): xét tuyển vòng 2 đối với vị trí việc làm: Giáo viên trung học cơ sở.

+ Đợt 3 (ngày 31/5/2022 đến ngày 01/6/2022): xét tuyển vòng 2 đối với vị trí việc làm: Giáo viên tiểu học.

- Địa điểm: Tùy tình hình thực tiễn tại vòng 2, Hội đồng tuyển dụng viên chức sẽ chọn và thông báo 01 trong 02 địa điểm:

+ Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Định, thành phố Thủ Đức; số 36A đường Nguyễn Trọng Quản, khu phố 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức (số cũ là: 02 đường số 7, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức).

+ Trường Tiểu học Lương Thế Vinh 1, thành phố Thủ Đức; số 215 đường Trương Văn Bang, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức.

Bước 5: Thông báo kết quả xét tuyển:

- Thời gian: dự kiến ngày 13/6/2022.

- Hội đồng tuyển dụng viên chức thông báo kết quả tuyển dụng trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức.

- Gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người trúng tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

Bước 6: Người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng:

- Thời gian: dự kiến từ ngày 13/6/2022 đến ngày 13/7/2022.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng (nộp hồ sơ (02 bộ) gồm các thành phần nêu tại mục 6.2).

Lưu ý: Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì sẽ hủy kết quả trúng tuyển theo quy định.

Bước 7. Người trúng tuyển nhận Quyết định tuyển dụng và nhận việc

- Thời gian: dự kiến từ ngày 01/8/2022.

Trên đây là Thông báo tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, năm 2021; căn cứ tình hình thực tế Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có thể điều chỉnh bằng văn bản một số nội dung để phù hợp với tình hình công tác tuyển dụng và đúng theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ TP.HCM;
- TT.TU/HĐND-UBND TP Thủ Đức;
- P. Nội vụ; P. Giáo dục và Đào tạo;
- Văn phòng HĐND&UBND;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo (theo Danh sách đính kèm);
- Lưu: VT, NV. (15b).

641



CHỦ TỊCH

Hoàng Tùng

DANH SÁCH NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CÁC TRƯỜNG MẦM NON

(Ban hành kèm theo Thông báo số 88 /TB-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức)

Stt	Đơn vị	Số lượng viên chức được giao năm 2021	Số lượng viên chức hiện có	Số lượng viên chức chưa sử dụng	Nhu cầu tuyển dụng nhân viên					Nhu cầu tuyển dụng giáo viên mầm non (hạng III, mã số V.07.02.26)	Tổng cộng
					Nhân viên Văn thư	Nhân viên Kế toán		Nhân viên Y tế	Tổng số nhu cầu tuyển dụng nhân viên		
					Văn thư viên trung cấp (02.008)	Kế toán viên (06.031)	Kế toán viên trung cấp (06.032)	Y sĩ hạng IV (V.08.03.07)			
1	Trường Mầm non 19/5	34	23	11						2	2
2	Trường Mầm non An Phú	28	23	5		1			1		1
3	Trường Mầm non Bình An	33	25	8		1			1		1
4	Trường Mầm non Bình Trưng Đông	32	24	8				1	1	3	4
5	Trường Mầm non Cát Lái	28	24	4	1				1	2	3
6	Trường Mầm non Hoa Hồng 1	20	15	5		1			1		1
7	Trường Mầm non Hòa Mi	22	20	2		1			1		1
8	Trường Mầm non Hoa Sen 1	24	12	12						9	9
9	Trường Mầm non Măng Non	28	22	6		1			1	1	2
10	Trường Mầm non Sơn Ca 1	35	27	8		1			1	7	8
11	Trường Mầm non Rạch Chiếc	41	6	35		1			1	7	8

Stt	Đơn vị	Số lượng viên chức được giao năm 2021	Số lượng viên chức hiện có	Số lượng viên chức chưa sử dụng	Nhu cầu tuyển dụng nhân viên				Nhu cầu tuyển dụng giáo viên mầm non (hạng III, mã số V.07.02.26)	Tổng cộng
					Nhân viên Văn thư	Nhân viên Kế toán		Nhân viên Y tế		
					Văn thư viên trung cấp (02.008)	Kế toán viên (06.031)	Kế toán viên trung cấp (06.032)	Y sĩ hạng IV (V.08.03.07)		
12	Trường Mầm non Thanh Mỹ Lợi	26	22	4					1	1
13	Trường Mầm non Vườn Hồng	47	37	10		1			1	4
14	Trường Mầm non Vành Khuyên 1	33	26	7		1			1	1
15	Trường Mầm non Hiệp Phú	25	19	6		1			1	1
16	Trường Mầm non Hoa Sen	26	22	4				1	1	4
17	Trường Mầm non Hoàng Yến 2	25	19	6		1			1	3
18	Trường Mầm non Long Bình	36	28	8					7	7
19	Trường Mầm non Long Phước	25	21	4			1		1	3
20	Trường Mầm non Long Thạnh Mỹ	31	22	9		1			1	9
21	Trường Mầm non Long Trường	31	27	4			1	1	2	3
22	Trường Mầm non Long Sơn	13	11	2			1	1	2	2
23	Trường Mầm non Phong Phú	30	27	3			1		1	1
24	Trường Mầm non Sơn Ca 2	25	23	2					1	1
25	Trường Mầm non Tân Phú	27	22	5					4	4
26	Trường Mầm non Trường Thạnh	40	34	6		1			1	3
27	Trường Mầm non Tuổi Hồng	18	15	3		1			1	2

Stt	Đơn vị	Số lượng viên chức được giao năm 2021	Số lượng viên chức hiện có	Số lượng viên chức chưa sử dụng	Nhu cầu tuyển dụng nhân viên					Nhu cầu tuyển dụng giáo viên mầm non (hạng III, mã số V.07.02.26)	Tổng cộng
					Nhân viên Văn thư	Nhân viên Kế toán		Nhân viên Y tế	Tổng số nhu cầu tuyển dụng nhân viên		
					Văn thư viên trung cấp (02.008)	Kế toán viên (06.031)	Kế toán viên trung cấp (06.032)	Y sĩ hạng IV (V.08.03.07)			
28	Trường Mầm non Tuổi Thơ	29	20	9		1			1	7	8
29	Trường Mầm non Tạ Uyên	11	8	3		1		1	2		2
30	Trường Mầm non Vàng Anh	23	14	9			1	1	2	5	7
31	Trường Mầm non Bình Chiểu	34	30	4				1	1		1
32	Trường Mầm non Bình Thọ	25	24	1	0	0	0	1	1		1
33	Trường Mầm non Hiệp Bình Chánh	15	12	3		0		1	1	1	2
34	Trường Mầm non Hiệp Bình Chánh II	17	14	3	0	0	0	1	1	1	2
35	Trường Mầm non Hiệp Bình Chánh III	20	15	5		0				3	3
36	Trường Mầm non Hiệp Bình Phước	13	11	2		0				1	1
37	Trường Mầm non Hoa Đào	36	31	5		0		1	1	4	5
38	Trường Mầm non Hoa Hồng 3	30	28	2		1			1		1
39	Trường Mầm non Hòa Mi 3	30	26	4	0	0	0	0		3	3
40	Trường Mầm non Hoàng Yến 3	44	38	6		1		1	2	3	5
41	Trường Mầm non Hương Sen	42	38	4		0		1	1	1	2
42	Trường Mầm non Linh Chiểu	32	27	5		0				4	4
43	Trường Mầm non Linh Tây	35	32	3				1	1		1

Stt	Đơn vị	Số lượng viên chức được giao năm 2021	Số lượng viên chức hiện có	Số lượng viên chức chưa sử dụng	Nhu cầu tuyển dụng nhân viên					Nhu cầu tuyển dụng giáo viên mầm non (hạng III, mã số V.07.02.26)	Tổng cộng
					Nhân viên Văn thư	Nhân viên Kế toán		Nhân viên Y tế	Tổng số nhu cầu tuyển dụng nhân viên		
					Văn thư viên trung cấp (02.008)	Kế toán viên (06.031)	Kế toán viên trung cấp (06.032)	Y sĩ hạng IV (V.08.03.07)			
44	Trường Mầm non Linh Trung	17	14	3		0		1	1	2	3
45	Trường Mầm non Linh Xuân	27	25	2		0		1	1	1	2
46	Trường Mầm non Sao Mai	27	20	7		1		1	2	4	6
47	Trường Mầm non Sao Vàng	26	22	4	0	0	0	0		4	4
48	Trường Mầm non Sen Hồng 3	18	15	3		1			1	1	2
49	Trường Mầm non Sơn Ca 3	40	31	9		1		1	2	7	9
50	Trường Mầm non Tam Phú	36	33	3				1	1	1	2
51	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	26	15	11	0	1	0	1	2	8	10
52	Trường Mầm non Trường Thọ	17	14	3		1		1	2		2
53	Trường Mầm non Vành Khuyên 3	41	37	4				1	1	2	3
Tổng cộng		1.494	1.190	304	1	23	5	22	51	129	180

DANH SÁCH NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC
(Ban hành kèm theo Thông báo số 10/UBND ngày 3 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức)

Stt	Đơn vị	Số lượng viên chức được giao năm 2021	Số lượng viên chức hiện có	Số lượng viên chức chưa sử dụng	Nhu cầu tuyển dụng giáo viên tiểu học (Thang III, mã số V.07.03.29)							Nhu cầu tuyển dụng nhân viên										Tổng cộng nhu cầu tuyển dụng
					Dạy nhiều môn	Mỹ thuật	Nhạc	Tiểu học	Thể dục	Tiếng Anh	Tổng phụ trách Đội	Tổng số nhu cầu tuyển dụng giáo viên	Nhân viên văn thư		Nhân viên CNTT	Nhân viên thư viện, thiết bị		Nhân viên Kế toán		Nhân viên Y tế	Tổng số nhu cầu tuyển dụng nhân viên	
													Văn thư viên (02.007)	Văn thư viên trung cấp (02.008)		Quản trị viên hệ thống hạng IV (V.11.06.15)	Thư viện viên hạng III (V.10.02.06)	Thư viện viên hạng IV (V.10.02.07)	Kế toán viên (06.031)			
1	Trường Tiểu học An Bình	58	34	24	7			1				8					1	1			2	10
2	Trường Tiểu học An Khánh	66	56	10				1		2		3						1			1	4
3	Trường Tiểu học An Phú	40	34	6	1						1	2						1			1	3
4	Trường Tiểu học Bình Trưng Đông	61	42	19	6			1	1	2		10						1		1	2	12
5	Trường Tiểu học Giồng Ông Tố	88	79	9	2			1	1			4									0	4
6	Trường Tiểu học Huỳnh Văn Nghệ	45	38	7	3							3						1			1	4
7	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh 1	58	50	8	3				1			4						1			1	5
8	Trường Tiểu học Mỹ Thủy	57	50	7		1	1	1			1	4						1		1	2	6
9	Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	67	60	7	2					1		3								1	1	4
10	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tư	30	4	26	6		1		1	1		9		1			1	1			3	12
11	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	65	61	4	3							3								1	1	4
12	Trường Tiểu học Thanh Mỹ Lợi	57	47	10							1	1						1			1	2
13	Trường Tiểu học Bùi Văn Mới	58	46	12	3	1		1		1		6						1			1	7
14	Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	80	63	17	4	1		1	2	2		10	1		1					1	3	13
15	Trường Tiểu học Hiệp Phú	71	60	11		1	1	1	1	2	1	7									0	7
16	Trường Tiểu học Lê Văn Việt	55	48	7	3					2		5			1						1	6
17	Trường Tiểu học Long Bình	65	48	17	3	1	1	1	1	3	1	11						1	1		2	13
18	Trường Tiểu học Long Phước	52	40	12	3		1	2	1	1	1	9			1					1	2	11
19	Trường Tiểu học Long Thanh Mỹ	47	39	8		1		1		3		5					1	1			2	7

Stt	Đơn vị	Số lượng viên chức được giao năm 2021	Số lượng viên chức hiện có	Số lượng viên chức chưa sử dụng	Nhu cầu tuyển dụng giáo viên tiểu học (hạng III, mã số V.07.03.29)								Nhu cầu tuyển dụng nhân viên										Tổng cộng nhu cầu tuyển dụng
					Dạy nhiều môn	Mỹ thuật	Nhạc	Tin học	Thể dục	Tiếng Anh	Tổng phụ trách Đội	Tổng số nhu cầu tuyển dụng giáo viên	Nhân viên văn thư		Nhân viên CNTT	Nhân viên thư viện, thiết bị		Nhân viên Kế toán		Nhân viên Y tế	Tổng số nhu cầu tuyển dụng nhân viên		
													Văn thư viên (02.007)	Văn thư viên trung cấp (02.008)		Quản trị viên hệ thống hạng IV (V.11.06.15)	Thư viện viên hạng III (V.10.02.06)	Thư viện viên hạng IV (V.10.02.07)	Kế toán viên (06.031)			Kế toán viên trung cấp (06.032)	
42	Trường Tiểu học Hoàng Diệu	75	58	17	7	1		2	1	2	1	14			1					1	2	16	
43	Trường Tiểu học Linh Chiểu	40	25	15	6		1		1	2	1	11								1	1	12	
44	Trường Tiểu học Linh Đông	29	19	10	2	1	1	1	1	1		7	1					1		1	3	10	
45	Trường Tiểu học Linh Tây	40	29	11	1	2	1	2	1	2		9								1	1	10	
46	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	94	61	33	7	2	3	3	4	8	1	28			1			1		1	3	31	
47	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trực	64	52	12	2	1	1	1	2	3	1	11								1	1	12	
48	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh	55	44	11		1	1	2	2	2	1	9			1					1	2	11	
49	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch	42	35	7		1	1	1	1	2	1	7									0	7	
50	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nở	72	57	15	1	2	1	2	2	1	1	10						1		1	2	12	
51	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tây	92	78	14	5			3	1	4	0	13								1	1	14	
52	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Triết	72	56	16	3	2	2	3		4	1	15			1						1	16	
53	Trường Tiểu học Tam Bình	71	58	13		2	1		1	3	1	8								1	1	9	
54	Trường Tiểu học Thái Văn Lung	53	36	17	3	1	1	2	2	3	1	13		1			1			1	3	16	
55	Trường Tiểu học Trần Văn Vân	71	54	17	4	1	1	1	1	3	1	12						1		1	2	14	
56	Trường Tiểu học Trương Văn Hải	60	44	16	4	1	1	2	2	3	1	14						1		0	1	15	
57	Trường Tiểu học Từ Đức	55	40	15	4	1	1	1	1	3	1	12			1						1	13	
58	Trường Tiểu học Xuân Hiệp	81	61	20	1	2	2	2	2	6	1	16			1			1		1	3	19	
Tổng cộng		3.551	2.739	812	184	42	39	53	52	120	36	526	2	2	15	1	5	23	6	36	90	616	

(Ban hành kèm theo Thông báo số 17/TB-UBND ngày 1 tháng 8 năm 202 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức)

Stt	Đơn vị	Số lượng viên chức được giao năm 2021	Số lượng viên chức hiện có	Số lượng viên chức chưa sử dụng	Nhu cầu tuyển dụng giáo viên trường học cơ sở (hạng III, mã số V.07.04.32)																	Nhu cầu tuyển dụng nhân viên											
					Văn	Sử	Địa	Khoa học xã hội	Tiếng Anh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Khoa học Tự nhiên	Công nghệ Nông cung	Công nghệ Nông nghiệp	Công nghệ Công nghiệp	Giáo dục công dân	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	Tin học	Tổng phụ trách	Tổng số	Nhân viên Thư viện	Nhân viên CNTT	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Nhân viên Văn thư		Nhân viên Kế toán		Nhân viên Y tế	Tổng số
																									Thư viện viên hạng IV (V.10.02.07)	Quản trị viên hệ thống hạng IV (V.11.06.15)	Thiết bị, thí nghiệm (V.07.07.20)	Văn thư viên trung cấp (02.008)	Văn thư viên (02.007)	Kế toán viên trung cấp (06.032)	Kế toán viên (06.031)	Y sĩ hạng IV (V.08.03.07)	
1	Trường Trung học cơ sở An Phú	67	54	13	1	1		1	1				1									5	1	1	1					1	1	5	
2	Trường Trung học cơ sở Bình An	50	44	6				1														1								1		1	
3	Trường Trung học cơ sở Cát Lái	53	32	21	2		1		2				1			1		1			1	10			1	1			1	1		4	
4	Trường Trung học cơ sở Giồng Ông Tố	65	57	8	1										1							2	1						1	1		3	
5	Trường Trung học cơ sở Lương Đình Của	88	70	18	1												1	1				3	1									1	
6	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Định	52	45	7																		0			1					1		2	
7	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi	65	57	8	1			1					1					1		1		5	1	1						1		3	
8	Trường Trung học cơ sở Thạnh Mỹ Lợi	48	42	6		1		1														2		1				1				2	
9	Trường Trung học cơ sở Trần Quốc Toàn I	79	65	14			2					1	1	1				1	1		1	8		1	1			1	1			4	
10	Trường Trung học cơ sở Đặng Tấn Tài	90	67	23	2				2				1		1	1				3	1	11		1			1		1			3	
11	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú	67	39	28	4	1	1		6	1			2	1	1	1		1	2		1	22		1	1			1	1			4	
12	Trường Trung học cơ sở Hoa Lư	102	79	23			2	2	2				3					1			1	11		1	1		1			1		4	
13	Trường Trung học cơ sở Hưng Bình	76	54	22	3		2		1			2	2		1			1	1	1	2	16		1	1			1		1		4	
14	Trường Trung học cơ sở Long Bình	69	48	21	1	1	2	1		2			1				1	2	1	0	1	1	14		1	1				1		3	
15	Trường Trung học cơ sở Long Phước	40	30	10	1			1							1			1				4	1	1								2	
16	Trường Trung học cơ sở Long Trường	50	33	17			0	0	2			1	1	1			1			1	1	9		1						1		2	
17	Trường Trung học cơ sở Phú Hữu	36	25	11		1		1	1				1		1					1		6		1						1		2	
18	Trường Trung học cơ sở Phước Bình	104	78	26	1	1	1	2		2	1	1	1	2	1		1	1	1	2	2	21		1		1		1		1		4	
19	Trường Trung học cơ sở Tân Phú	90	60	30	4	1	1	2	1	3			2	3				2	2	2	2	25		1	1			1				3	
20	Trường Trung học cơ sở Tăng Nhơn Phú B	84	67	17	2	1	1	1	2	1	1		1			1	1		1		1	15		1	1							2	
21	Trường Trung học cơ sở Trần Quốc Toàn	104	80	24	5		1	2		2			1				1	1			1	14			1				1	1		3	
22	Trường Trung học cơ sở Trường Thạnh	62	36	26	1		4		3	3		1	1	1	1	1		1		1		18							1	1		2	
23	Trường Trung học cơ sở Bình Chiểu	95	78	17	2	1			1	1	1						1	1	1	4	1	14			1					1		2	

Stt	Đơn vị	Số lượng viên chức được giao năm 2021	Số lượng viên chức hiện có	Số lượng viên chức chưa sử dụng	Nhu cầu tuyển dụng giáo viên trung học cơ sở (hạng III, mã số V.07.04.32)																		Nhu cầu tuyển dụng nhân viên										
					Văn	Sử	Địa	Khoa học xã hội	Tiếng Anh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Khoa học Tự nhiên	Công nghệ Nữ công	Công nghệ Nông nghiệp	Công nghệ Công nghiệp	Giáo dục công dân	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	Tin học	Tổng phụ trách	Tổng số	Nhân viên Thư viện	Nhân viên CNTT	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm	Nhân viên văn thư	Nhân viên Kế toán		Nhân viên Y tế	Tổng số	
																									Thư viện viên hạng IV (V.10.02.07)	Quản trị viên hệ thống hạng IV (V.11.06.15)	Thiết bị, thí nghiệm (V.07.07.20)	Văn thư viên trung cấp (02.008)	Văn thư viên (02.007)	Kế toán viên trung cấp (06.032)	Kế toán viên (06.031)		Y sĩ hạng IV (V.08.03.07)
24	Trường Trung học cơ sở Bình Thọ	70	57	13	1				2	1					1					2		7			1	1						2	
25	Trường Trung học cơ sở Dương Văn Thi	76	51	25		1	1		3	3		1	2		1	1	1	1	2		19	1	1	1				1		1		5	
26	Trường Trung học cơ sở Hiệp Bình	94	78	16				1	1	1				1	1	1	1	2	3		13		1	1								2	
27	Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	115	96	19	1	1			3	1			1				1	3	1		2	1	15		1	1					1	3	
28	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Việt	31	25	5																		0	1							1	2		
29	Trường Trung học cơ sở Linh Đông	72	59	13	2				1	2			1				1			3		10		1						1	2		
30	Trường Trung học cơ sở Linh Trung	85	70	15	1		1		2	1	1					1	1	1		1		10		1	1					1	3		
31	Trường Trung học cơ sở Ngô Chí Quốc	117	83	34	3	2	1	3	2	1		1	1	3	1	1		1		2	2	3	27	1	1	1					1	4	
32	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Bá	90	70	20	1			1	2	2	1		1				2	1	2		3		16		1	1					1	3	
33	Trường Trung học cơ sở Tam Bình	87	67	20	1		1	1	3	1			3			1					2	1	14	1	0	1					1	3	
34	Trường Trung học cơ sở Thái Văn Lung	97	76	21		2		2	2	2	1		1	1		1	1	1	1		1	17			1					1	2		
35	Trường Trung học cơ sở Trường Thọ	87	66	21	3		1	1	2	1			1	1				1	1	1	0	14		1	1					1	3		
36	Trường Trung học cơ sở Trương Văn Ngu	55	45	10	1	2	1		1	1										1		7	1			1						2	
37	Trường Trung học cơ sở Xuân Trường	72	53	19	1			2	3					1		1	1		1	1		1	12		1	1			1		1	4	
Tổng cộng		2.784	2.136	647	47	17	20	25	51	39	6	5	20	27	7	10	11	13	22	24	18	43	12	417	10	25	22	4	1	6	8	29	105

**DANH SÁCH NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRƯỜNG GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT THẢO ĐIỀN NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 08 /TB-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức)

Số lượng viên chức được giao: 49. Số lượng viên chức đang sử dụng: 23

Stt	Vị trí tuyển dụng	Môn dạy	Số lượng
1	Giáo viên Mầm non (Giáo viên mầm non hạng III, mã số V.07.02.26)	Mầm non chuyên biệt	2
2	Giáo viên Tiểu học (Giáo viên tiểu học hạng III, mã số V.07.03.29)	Âm nhạc	1
3		Mĩ thuật	1
4		Thể dục	2
5		Vi Tính	1
6		Dạy nhiều môn tiểu học chuyên biệt	1
7	Nhân viên Y tế (Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07)		1
8	Nhân viên Kế toán (Kế toán viên trung cấp, mã số 06.032)		1
Tổng cộng			10

Phụ lục
LƯU Ý VỀ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông báo số *88* /TB-UBND ngày *18* tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức)

I. Đối với trình độ Ngoại ngữ:

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-TCCB ngày 30 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình tiếng Anh thực hành A,B,C và Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chương trình Giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành;

Căn cứ theo quy định của Cambridge từ tháng 11 năm 2011;

Căn cứ công văn số 6089/BGDĐT-GDTH ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phúc đáp CV số 4453/BNV-CCVC;

Việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ thực hiện như sau:

Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014/T T-BGDĐT	Bản tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Tiếng Anh)									
	CC Tiếng Anh theo QĐ 177	CC Tiếng Anh theo QĐ 66	IELTS	GE	BEC	BULA TS	TOEFL			TOEIC
							PBT	CBT	iBT	
Bậc 1	Trình độ A	A1	< 3.0				<340			120
Bậc 2	Trình độ B	A2	3.0 – 3.5	Preliminary KET		20	340	96	40	225
Bậc 3	Trình độ C	B1	4 - 4.5	Preliminary PET	Business Preliminary	40	450	133	45	450
Bậc 4		B2	5 – 6	FCE	Business Vantage	60	500	173	61	600
Bậc 5		C1	6.5-7.5	CAE	Business Higher	75	550	213	90	850
Bậc 6		C2	8-9	CPE		90	600+	250+	100+	910+

Khung NLNN 6 bậc	Bản tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Ngoại ngữ khác)					
	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 1	TEU	DELTA A1	A1	HSK cấp 1	JLPT N1	Topik I-L1
Bậc 2	TBU	DELTA A2	A2	HSK cấp 2	JLPT N2	Topik I-L2
Bậc 3	TRKI I	DELTA B1	B1 ZD	HSK cấp 3	JLPT N3	Topik II-L3
Bậc 4	TRKI II	DELTA B2	B2 test DaF level 4	HSK cấp 4	JLPT N4	Topik II-L4
Bậc 5	TRKI III	DALF C1		HSK cấp 5	JLPT N5	Topik II-L5
Bậc 6	TRKI IV	DALF C2		HSK cấp 6	JLPT N6	Topik II-L6

Riêng các Chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, căn cứ các công văn của Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo danh sách các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi, cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin, tính đến ngày 23/4/2021 chỉ công nhận Chứng chỉ được cấp từ 18 đơn vị sau:

1. Trường ĐH Sư phạm TP.HCM
2. Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế
3. Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội
4. Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng
5. Trường ĐH Thái Nguyên
6. Trường ĐH Cần Thơ
7. Trường ĐH Hà Nội
8. Trường ĐH Sư phạm Hà Nội
9. Trường ĐH Vinh
10. Học viện An ninh nhân dân
11. Trường ĐH Sài Gòn
12. Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM
13. Trường ĐH Trà Vinh
14. Trường ĐH Văn Lang
15. Trường ĐH Quy Nhơn
16. Trường ĐH Tây Nguyên
17. Trường ĐH Công nghiệp TP.HCM
18. Học viện Báo chí Tuyên truyền

2. Đối với chứng chỉ Tin học:

- Căn cứ công văn số 2819/BTTTT-CNTT ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ thông tin và truyền thông về việc công nhận bài thi tin học văn phòng quốc tế phù hợp yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT công nhận *“bài thi IC3 đáp ứng yêu cầu của chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản”*.

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin quy định: *“các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản”*; căn cứ công văn số 6078/BGDĐT-GDĐT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý trong việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT quy định: *“Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ dừng việc cấp phôi chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C từ ngày 15 tháng 12 năm 2016”*. Vậy chứng chỉ tin học A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016 thì được công nhận là tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản.

- Căn cứ công văn số 538/QLCL-QLVBCC tính đến ngày 20/5/2019 chỉ công nhận chứng chỉ Ứng dụng CNTT được cấp từ 176 đơn vị sau:

STT	TÊN ĐƠN VỊ
1	Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội
2	Viện Quốc tế Pháp ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
3	Viện Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
5	Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
6	Trường Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
7	Trung tâm Công nghệ thông tin - Đại học Thái Nguyên
8	Trường Đại học Công nghệ thông tin truyền thông - Đại học Thái Nguyên
9	Trường Đại học Nông lâm - Đại học Thái Nguyên
10	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên
11	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
12	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
13	Trung tâm Phát triển phần mềm - Đại học Đà Nẵng
14	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
15	Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế
16	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế
17	Trường Đại học Trà Vinh
18	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
19	Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội
20	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
21	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh
22	Trường Đại học Công nghệ Quản lý Hữu nghị
23	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
24	Viện Đại học Mở Hà Nội
25	Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang
26	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên
27	Trường Đại học Cần Thơ
28	Trường Đại học Vinh
29	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
30	Trường Đại học Tôn Đức Thắng
31	Trường Đại học Hòa Bình
32	Trường Đại học Lạc Hồng
33	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
34	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
35	Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh
36	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
37	Trường Đại học Tiền Giang
38	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An
39	Trường Đại học Tây Bắc
40	Trường Đại học Nội vụ
41	Trường Đại học Tây Nguyên

STT	TÊN ĐƠN VỊ
42	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây
43	Trường Đại học Nha Trang
44	Học viện An ninh nhân dân
45	Học viện Cảnh sát nhân dân
46	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
47	Trường Đại học An Giang
48	Trường Đại học Thủ Dầu Một
49	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
50	Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh
51	Trường Đại học Thái Bình
52	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung
53	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
54	Trường Đại học Nam Cần Thơ
55	Trường Đại học Hoa Lư
56	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông
57	Trường Đại học Hùng Vương
58	Trường Đại học Phan Thiết
59	Trường Đại học Trung Vương
60	Trường Đại học Hà Tĩnh
61	Trường Đại học Thành Đông
62	Trường Đại học Tài chính Marketing
63	Trường Đại học Thái Bình Dương
64	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ
65	Trường Đại học Sài Gòn
66	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
67	Cục Tin học hóa (Bộ Thông tin và Truyền thông)
68	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội
69	Trường Đại học Bạc Liêu
70	Trường Đại học Lâm nghiệp (Phân hiệu Đồng Nai)
71	Trường Đại học Đông Đô
72	Trường Đại học Kiên Giang
73	Trường Đại học Phạm Văn Đồng
74	Trường Đại học An ninh nhân dân
75	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
76	Trường Đại học Công nghệ Vạn Xuân
77	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long
78	Trường Đại học Thủy lợi
79	Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh
80	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
81	Trường Đại học Duy Tân
82	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải
83	Trường Đại học Tân Trào
84	Trường Đại học Buôn Ma Thuột
85	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

STT	TÊN ĐƠN VỊ
86	Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh
87	Trường Đại học Phú Yên
88	Trường Đại học Tây Đô
89	Trường Đại học Tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh
90	Trường Đại học Quy Nhơn
91	Trường Đại học Trần Đại Nghĩa
92	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
93	Học viện Quản lý Giáo dục
94	Trường Đại học Thông tin liên lạc
95	Trường Đại học Nông lâm Huế
96	Trường Đại học Lao động xã hội (cơ sở 2)
97	Trường Đại học Cửu Long
98	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
99	Trường Đại học Đại Nam
100	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
101	Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng
102	Trường Đại học Đồng Nai
103	Trường Đại học Thương mại
104	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì
105	Trường Đại học Công nghiệp Vinh
106	Trường Đại học Công đoàn
107	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
108	Trường Đại học Khánh Hòa
109	Học viện Ngân hàng
110	Trường Đại học Lâm nghiệp
111	Trường Đại học Hạ Long
112	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định
113	Trường Đại học Đồng Tháp
114	Học viện Tài chính
115	Trường Đại học Y Dược Thái Bình
116	Trường Đại học Đà Lạt
117	Học viện Kỹ thuật Quân sự
118	Trường Đại học Quốc tế Bắc Hà
119	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh
120	Trường Đại học Văn hóa, thể thao và du lịch Thanh Hóa
121	Học viện Bưu chính viễn thông cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh
122	Trường Đại học Văn Hiến
123	Trường Đại học Hải Phòng
124	Trường Đại học Bình Dương
125	Trường Đại học Kinh tế tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
126	Trường Đại học Luật Hà Nội
127	Trường Đại học Hồng Đức
128	Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh
129	Trường Đại học Nguyễn Trãi

STT	TÊN ĐƠN VỊ
130	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên
131	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị
132	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình
133	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương
134	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình
135	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long
136	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
137	Sở Giáo dục và Đào tạo Hậu Giang
138	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh
139	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Thuận
140	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước
141	Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa - Vũng Tàu
142	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên
143	Sở Giáo dục và Đào tạo Cần Thơ
144	Sở Giáo dục và Đào tạo Cà Mau
145	Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu
146	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định
147	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ
148	Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang
149	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
150	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái
151	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn
152	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên
153	Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế
154	Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai
155	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An
156	Sở Giáo dục và Đào tạo Đà Nẵng
157	Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông
158	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
159	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình
160	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc
161	Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng
162	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang
163	Sở Giáo dục và Đào tạo Long An
164	Sở Giáo dục và Đào tạo ĐắkLak
165	Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang
166	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp
167	Sở Giáo dục và Đào tạo Kon Tum
168	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình
169	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai
170	Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên
171	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Dương
172	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh
173	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng

STT	TÊN ĐƠN VỊ
174	Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La
175	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa
176	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam

Phụ lục 1

MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

(Kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

(Dán ảnh 4x6)

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂNVị trí dự tuyển⁽¹⁾:Đơn vị dự tuyển⁽²⁾:**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Nam⁽³⁾ ☐ ☐ Nữ ☐ ☐

Dân tộc: Tôn giáo:

Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Số điện thoại di động để báo tin: Email:

Quê quán:

Hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay (để báo tin):

Tình trạng sức khỏe:, Chiều cao:, Cân nặng: kg

Thành phần bản thân hiện nay:

Trình độ văn hóa:

Trình độ chuyên môn:

II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH

Mối quan hệ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội

III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác

III. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do:

Miễn thi tin học do:

IV. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ

(Thí sinh lựa chọn và ghi rõ đăng ký thi một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm tại Thông báo tuyển dụng. Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ không phải điền thông tin ở mục này).

Đăng ký dự thi ngoại ngữ:

V. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- (3) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.